

Số: *19* /2009/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *22* tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về xét cho phép
sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Căn cứ Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 921/KHĐT-ĐKKD ngày 07/7/2009 về việc ban hành bản quy định về trình tự, thủ tục xét cho phép doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại Hưng Yên sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Hưng Yên".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tư pháp, Công an, Cục thuế, Ban quản lý các KCN; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh; các doanh nghiệp và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản lý XNC - Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở, ngành tỉnh: Tài nguyên môi trường; Lao động TB và XH, Chi cục Hải quan;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh; Website tỉnh;
- CV; NV;
- Lưu VT, C42.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cường

QUY ĐỊNH

Về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2009/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Thẻ đi lại của doanh nhân APEC (sau đây viết tắt là thẻ ABTC) là một loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước và vùng lãnh thổ tham gia Chương trình thẻ đi lại của doanh nhân APEC cấp cho doanh nhân của mình để tạo thuận lợi cho việc đi lại thực hiện các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ; tham dự các hội nghị, hội thảo và các mục đích kinh tế khác tại các nước và vùng lãnh thổ thuộc APEC tham gia Chương trình. Người mang thẻ ABTC, khi nhập cảnh, xuất cảnh các nước và vùng lãnh thổ có tên ghi trong thẻ thì không cần có thị thực của các nước và vùng lãnh thổ đó.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thời gian xét cho phép doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại tỉnh Hưng Yên sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC.

3. Đối tượng áp dụng

- Doanh nhân Việt Nam (sau đây viết tắt là doanh nhân) đang làm việc trực tiếp tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, theo dõi quản lý và xét đề nghị cho doanh nhân của tỉnh Hưng Yên sử dụng thẻ ABTC.

Điều 2. Các đối tượng được xét cho phép sử dụng thẻ ABTC.

1. Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp được tổ chức thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước gồm các chức danh sau: Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc các doanh nghiệp; Kế toán trưởng, Trưởng, Phó phòng các doanh nghiệp, Khu công nghiệp, Ngân hàng, Chi nhánh Ngân hàng trở lên.

2. Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Đầu tư tại Việt Nam,

gồm các chức danh sau: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc các doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ sở hữu vốn Công ty TNHH một thành viên, Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần; Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn có 2 thành viên trở lên, Chủ tịch Ban quản trị Hợp tác xã, chủ nhiệm Hợp tác xã là người đại diện theo quy định của pháp luật.

3. Công chức, viên chức nhà nước tỉnh Hưng Yên có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động kinh tế của APEC.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC XÉT ĐỀ NGHỊ VÀ SỬ DỤNG THẺ ABTC

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện được xét, đề nghị sử dụng ABTC

1. Đối với doanh nhân

- Doanh nhân có hộ chiếu còn giá trị sử dụng trên 12 tháng;

- Doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của quy định này có tham gia trực tiếp các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư và dịch vụ với các đối tác trong các nền kinh tế thành viên tham gia thẻ ABTC được thể hiện thông qua các hợp đồng kinh tế, thương mại, các dự án đầu tư và các hợp đồng dịch vụ cụ thể;

- Doanh nhân làm việc tại các doanh nghiệp được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của quy định này phải được thể hiện bằng hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm chức vụ, thẻ bảo hiểm xã hội (hoặc sổ bảo hiểm xã hội) đã tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ tại doanh nghiệp đang làm việc;

- Doanh nhân phải là người Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

2. Doanh nghiệp đề nghị cấp thẻ cho doanh nhân phải chấp hành tốt pháp luật về thương mại, thuế, hải quan, lao động và bảo hiểm xã hội.

3. Đối với công chức, viên chức nhà nước thuộc tỉnh có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động kinh tế của APEC được cơ quan có thẩm quyền cử đi dự.

Điều 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và đề xuất cho phép sử dụng thẻ ABTC

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Quy định này có trụ sở chính ngoài các khu công nghiệp tỉnh.

2. Ban quản lý các Khu công nghiệp là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét cho phép sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Quy định này có trụ sở chính trong các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Đối với công chức, viên chức nhà nước tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy định này thực hiện theo Quy định số 02-QĐ/TU ngày 09/4/2009 của Tỉnh ủy Hưng Yên về quản lý cá nhân, đoàn cán bộ tỉnh ra nước ngoài.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị xét cho phép sử dụng thẻ ABTC

Doanh nghiệp nộp 02 bộ hồ sơ, mỗi bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1. Giấy tờ của doanh nghiệp

a) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp do đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên và đóng dấu (*theo mẫu 1*);

b) Bản sao một trong các loại giấy tờ: thư mời, hợp đồng ngoại thương, hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc các chứng từ xuất nhập khẩu khác (I/C, vận đơn, tờ khai hải quan, hóa đơn thanh toán) không quá 01 năm tính đến thời điểm xin cấp thẻ ABTC với các đối tác thuộc nền kinh tế thành viên APEC tham gia chương trình thẻ ABTC.

2. Giấy tờ của doanh nhân

a) Bản sao hộ chiếu;

b) Bản sao quyết định bổ nhiệm chức vụ;

c) Bản sao Sổ Bảo hiểm xã hội hoặc Thẻ Bảo hiểm xã hội;

d) Bản xác nhận Lý lịch tư pháp.

(Các giấy tờ trên nếu bằng chữ nước ngoài phải có bản dịch ra chữ Việt Nam được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền kèm theo; nếu là bản sao phải có bản chính kèm theo để đối chiếu).

Điều 6. Trình tự, thủ tục xét cho phép sử dụng thẻ ABTC

1. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 5, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại Điều 4 có trách nhiệm xem xét, lấy ý kiến xác minh của các cơ quan quy định tại Điều 8 về việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp. Đối với trường hợp hồ sơ không hợp lệ, hồ sơ không đủ điều kiện được xem xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời lý do không được xem xét cấp thẻ trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc.

2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, các cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực nội dung trả lời. Quá thời hạn trên mà cơ quan có trách nhiệm trả lời chưa có văn bản trả lời thì coi như đã đồng ý với nội dung yêu cầu và phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho phép doanh nhân sử dụng thẻ ABTC.

3. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn cung cấp thông tin của các cơ quan liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét cho phép doanh nhân sử dụng thẻ ABTC.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của các cơ quan tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản đề nghị cho phép doanh nhân sử dụng thẻ ABTC, gửi kết quả và hồ sơ cho cơ quan đã tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho doanh nghiệp hướng dẫn liên hệ với Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an để được cấp thẻ ABTC.

Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm định kỳ hàng năm (chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm) hoặc đột xuất (khi có các vấn đề liên quan đến việc sử dụng thẻ ABTC) phải báo cáo tình hình sử dụng thẻ ABTC của doanh nhân thuộc doanh nghiệp mình gồm các nội dung (*theo mẫu 2*) ban hành kèm theo Quy định này. Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trong báo cáo và cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cũng như các quy định của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC. Trường hợp doanh nghiệp không báo cáo hoặc báo cáo chậm hơn so với quy định coi như doanh nghiệp vi phạm quy định. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin cấp thẻ lần đầu sẽ báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ra văn bản và thông báo đến Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an về việc thẻ ABTC của doanh nhân, doanh nghiệp đó không còn giá trị sử dụng.

2. Doanh nhân của doanh nghiệp đã chuyển công tác, thôi giữ chức vụ hoặc đã nghỉ việc, doanh nghiệp phải có trách nhiệm giữ lại thẻ và báo cáo ngay cơ quan nơi doanh nghiệp nộp hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra văn bản xác nhận thẻ không còn giá trị sử dụng, liên hệ và nộp lại thẻ đã cấp cho Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an quản lý.

3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị không đúng đối tượng, không đúng tiêu chí và điều kiện xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và doanh nhân được đề nghị cho phép sử dụng thẻ của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và các chế tài khác có liên quan, đồng thời các cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin phép cho doanh nhân sử dụng thẻ ABTC trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đến Cục Quản lý Xuất

nhập cảnh - Bộ Công an về việc thẻ ABTC của doanh nhân, doanh nghiệp đó không còn giá trị sử dụng.

Chương III

CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

- Các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cần phối hợp tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nhân trong việc xét cho phép sử dụng thẻ ABTC:

- Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điều 4 và khoản 2 Điều 8 của Quy định này có trách nhiệm tổ chức sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự và trang bị cơ sở vật chất phù hợp để thực hiện công tác này;

- Định kỳ hàng năm, các cơ quan tiếp nhận hồ sơ và đề xuất cho phép doanh nhân sử dụng thẻ ABTC quy định tại Điều 4 của Quy định này có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thông báo cho các cơ quan liên quan biết tình hình xét cấp thẻ và những trường hợp phát sinh có liên quan đến cấp thẻ và sử dụng thẻ;

- Trường hợp các cơ quan liên quan quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này phát hiện hoặc nhận được những thông tin việc kê khai không chính xác, cũng như việc chấp hành không tốt các quy định liên quan tới việc dùng thẻ ABTC thì những cơ quan này có văn bản gửi về các cơ quan nêu tại Điều 4 của Quy định này để trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thông báo thẻ ABTC không còn giá trị sử dụng.

2. Trách nhiệm các cơ quan liên quan cung cấp thông tin

- Cục thuế tỉnh cung cấp thông tin việc chấp hành pháp luật về thuế;

- Chi cục Hải quan tỉnh cung cấp thông tin việc chấp hành pháp luật về hải quan, xuất nhập khẩu;

- Công an tỉnh cung cấp thông tin về tư cách pháp nhân của doanh nghiệp, nhân thân của doanh nhân và việc chấp hành pháp luật chung của doanh nhân và doanh nghiệp;

- Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường;

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cung cấp thông tin việc chấp hành pháp luật về lao động, việc làm, tiền lương, tiền công, bảo hộ lao động cho người lao động;

- Bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội cho người lao động trong doanh nghiệp và việc đóng bảo hiểm xã hội của doanh nhân.

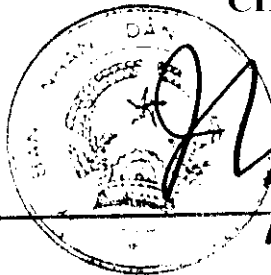
Thời gian xem xét chấp hành pháp luật của doanh nhân, doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh là 03 (ba) năm trước năm doanh nghiệp xin phép cho doanh nhân sử dụng thẻ ABTC. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập đi vào hoạt động thì thời gian xem xét tối thiểu là 01 (một) năm.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và các cơ quan liên quan được nêu khoản 2 Điều 8 của Quy định này hướng dẫn, triển khai và kiểm tra thực hiện Quy định theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất ý kiến kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn giải quyết và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./. ↵

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Cường